

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ C
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:18/2023/DS-ST

Ngày: 22-6 – 2023

Về việc: “Tranh chấp kiện đòi tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ C, TỈNH BÌNH PHƯỚC

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thuý Hằng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lương Thị Thu An
2. Bà Hồ Thị Xuân Thiều

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Hạnh – Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Phước

- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Thu - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Phước

Vào ngày 22 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã thị xã C xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 01/2023/TLST-DS ngày 04 tháng 01 năm 2023 về việc “Tranh chấp kiện đòi tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:55/2023/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa 41/2023/HPT-DS ngày 26 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

1.*Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị L, sinh năm: 1969; HKTT: tổ 6, ấp 3, xã M, thị xã C, tỉnh Bình Phước (xin vắng mặt).

2. *Bị đơn:* bà Đinh Thị H, sinh năm 1975; HKTT: tổ 3, ấp 3, xã M, thị xã C, tỉnh Bình Phước. Chỗ ở hiện nay: Tổ 3, ấp 6, xã T, thị xã C, tỉnh Bình Phước (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:

Do có quan hệ quen biết hàng xóm nên tôi và bà Đinh Thị H là quen biết cùng xóm với nhau nên ngày 04/11/2013 Bà L cho bà H vay số tiền 15.000.000 đồng không thoả thuận lãi suất và có làm giấy mượn tiền, ngày 17/3/2014 bà H tiếp tục vay của bà L số tiền là 13.160.000 đồng không thoả thuận lãi suất và có làm giấy vay tiền. Đến ngày 23/6/2014 bà H vay của bà L số tiền 35.000.000 đồng không thoả thuận lãi suất và có viết giấy mượn tiền, tổng cộng bà H vay bà L số tiền là 63.160.000 đồng, hẹn đến ngày 10/7/2014 sẽ trả. Tuy nhiên đến nay bà H vẫn không trả lại số tiền trên cho bà L do đó bà L khởi kiện yêu cầu bà H

trả lại cho bà L số tiền 63.160.000 đồng (sáu mươi ba triệu một trăm sáu mươi ngàn đồng).

Quá trình tố tụng, sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng cho bị đơn bà Đinh Thị H như Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và triệu tập bà H đến Tòa án để làm việc nhưng bà H không đến làm việc cũng không trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L.

Tại phiên tòa:

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn xin vắng mặt. Bị đơn bà Đinh Thị H tiếp tục vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã C tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Thẩm phán xác định quan hệ pháp luật đúng theo quy định tại Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã C.

- Về nội dung: Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 143, Điều 147, Điều 184 BLTTDS 2015; Điều 463, 466, 470 BLDS năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị tuyên: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bà Đinh Thị H trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền: 63.160.000 đồng.

Về án phí: Bị đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Quan hệ pháp luật tranh chấp là kiện đòi tài sản và bị đơn có nơi cư trú tại thị xã C, tỉnh Bình Phước nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thị xã C theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về sự vắng mặt của bị đơn bà Đinh Thị H đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa mà không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy:

Theo nội dung “Giấy mượn tiền” ngày 04/11/2013, “giấy vay tiền” ngày 17/03/2014 và “giấy hẹn trả tiền” ngày 23/6/2014 tổng số tiền bà Đinh Thị H mượn bà Nguyễn Thị L là 63.160.000 đồng không có lãi suất; bà H có ký tên bên mượn tiền do vậy Hợp đồng vay tài sản giữa hai bên giao kết có nội dung phù hợp với Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015 nên làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên tham giao ký kết.

Nguyên đơn xác định bị đơn bà H vay bà L số tiền 63.160.000 đồng đến nay chưa trả và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Đinh Thị H không có ý kiến bằng văn bản và không cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh (nếu có) về việc chấp nhận hay phản đối yêu cầu của nguyên đơn. Mặc dù Tòa án đã nhiều lần mời làm việc yêu cầu bị đơn có ý kiến bằng văn bản và cung cấp tài liệu, chứng cứ (nếu có) để chứng minh cho sự phản đối đó có căn cứ và hợp pháp theo khoản 2 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự. Việc bị đơn bà H mặc dù nhận được thông báo của Tòa án nhưng vẫn không có ý kiến bằng văn bản, không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì về việc có phản đối hay chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn nên được xem là từ bỏ quyền yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình, Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét cho bị đơn.

Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L là có căn cứ, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận buộc bị đơn bà Đinh Thị H phải trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền 63.160.000 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 280, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L không phải chịu, được trả lại số tiền tạm ứng án phí 1.579.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0012156 ngày 04/01/2023 tại Chi cục Thi hành dân sự thị xã C, tỉnh Bình Phước.

Bị đơn bà Đinh Thị H phải chịu án phí theo mức án phí có giá ngạch trên số tiền phải trả cho bà L là: $63.160.000 \times 5\% = 3.158.000$ đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 92, 147, 227, 228, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 280, Điều 357, Điều 463, khoản 1 Điều 466, khoản 1, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L về việc buộc bà Đinh Thị H có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền nợ gốc 63.160.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án nộp đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thanh toán xong số tiền phải thi hành thì còn phải trả tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn bà Đinh Thị H phải chịu 3.158.000 đồng. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L không phải chịu, Chi cục thi hành án dân sự thị xã C trả lại cho bà L số tiền tạm ứng án phí 1.579.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0012156 ngày 04/01/2023 tại Chi cục Thi hành dân sự thị xã C, tỉnh Bình Phước.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh BP;
- VKSND thị xã C;
- Chi cục THADS thị xã C;
- Dương sự;
- Lưu HSVA.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thuý Hằng